|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI**Luật số:  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm* |

**DỰ THẢO 2**

**LUẬT**

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ

QUY CHUẨN KỸ THUẬT

 *Căn cứ*[*Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx)*;*

 *Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của*[*Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-ban-hanh-van-ban-quy-pham-phap-luat-2015-282382.aspx) *68/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14*

 **Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật**

 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

 a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

 “3. Hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn (tiêu chuẩn hóa) bao gồm các hoạt động xây dựng, công bố, áp dụng tiêu chuẩn và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn.”;

 b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

 “5. Đánh giá sự phù hợp là việc xác định đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý quy định trong tiêu chuẩn tương ứng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

 Đánh giá sự phù hợp bao gồm hoạt động: thử nghiệm; hiệu chuẩn; giám định; xác nhận giá trị sử dụng; kiểm tra xác nhận; xét nghiệm y tế; chứng nhận hợp chuẩn; chứng nhận hợp quy; công bố hợp chuẩn; công bố hợp quy; công nhận năng lực của các tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức sản xuất mẫu chuẩn, tổ chức cung cấp thử nghiệm thành thạo và các hoạt động khác có liên quan.”;

 c) Bổ sung các khoản 5a, 5b, 5c, 5d vào sau khoản 5 như sau:

 “5a. Thử nghiệm là việc xác định một hay nhiều đặc tính của đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật theo một quy trình nhất định.

 5b. Giám định là việc kiểm tra và xác định sự phù hợp của đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật với các yêu cầu cụ thể hoặc các yêu cầu chung.

 5c. Xác nhận giá trị sử dụng là việc xác nhận tính hợp lý của việc công bố sự phù hợp liên quan đến mục đích sử dụng dự kiến hoặc kết quả dự kiến thông qua việc cung cấp bằng chứng chứng minh các yêu cầu được thực hiện đầy đủ theo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

 5d. Kiểm tra xác nhận là việc xác nhận sự chính xác của việc công bố sự phù hợp liên quan đến sự kiện đã xảy ra hoặc kết quả đã đạt được thông qua việc cung cấp bằng chứng chứng minh các yêu cầu được thực hiện đầy đủ theo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

 5đ. Mẫu chuẩn là vật liệu có độ độ đồng nhất và ổn định nhất định đối với một hoặc một số thuộc tính, được thiết lập phù hợp với mục đích sử dụng dự kiến trong quá trình đo.

 d) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

 “10. Công nhận là việc xác nhận tổ chức thử nghiệm, hiệu chuẩn, chứng nhận (hệ thống quản lý, năng lực cá nhân, sản phẩm, quá trình và dịch vụ), giám định, sản xuất mẫu chuẩn, cung cấp thử nghiệm thành thạo, xét nghiệm y tế, xác nhận giá trị sử dụng , kiểm tra xác nhận và các tổ chức đánh giá sự phù hợp liên quan khác có năng lực phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng.”;

 đ) Bổ sung các khoản 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 vào sau khoản 10 như sau:

 “11. Hạ tầng chất lượng quốc gia là kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm các cơ quan, tổ chức cùng với các chính sách, chiến lược, quy định pháp luật liên quan để hỗ trợ và nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình và môi trường.

 Hạ tầng chất lượng quốc gia bao gồm năm thành phần: tiêu chuẩn, đo lường, công nhận, đánh giá sự phù hợp, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa của một quốc gia.

 12. Chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia là chỉ số cung cấp thông tin về sự phát triển của hạ tầng chất lượng quốc gia, xác định các chỉ số cho từng thành phần và mối liên hệ giữa các thành phần của hạ tầng chất lượng quốc gia.

 13. Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia là cơ quan tiêu chuẩn trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, đại diện chính thức của Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế và tổ chức khu vực về tiêu chuẩn.

 14. Tiêu chuẩn quốc gia là tiêu chuẩn được Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, công bố theo trình tự, thủ tục quy định.

 15. Tiêu chuẩn quốc tế là tiêu chuẩn do tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế hoặc tổ chức quốc tế có hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn công bố.

 16. Tiêu chuẩn khu vực là tiêu chuẩn do tổ chức tiêu chuẩn hóa khu vực hoặc tổ chức khu vực có hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn công bố.

 17. Tiêu chuẩn nước ngoài là tiêu chuẩn do tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc gia của nước ngoài hoặc tổ chức nước ngoài có hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn (hiệp hội nghề nghiệp, tổ chức nghiên cứu chuyên ngành...) công bố.

 18. Tiêu chuẩn cơ sở là tiêu chuẩn do tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp công bố để áp dụng cho các hoạt động trong phạm vi của tổ chức đó.”.

 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 như sau:

 “4. Việc xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải:

 a) Dựa trên tiến bộ khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo, kinh nghiệm thực tiễn, nhu cầu hiện tại và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện đánh giá tác động một cách toàn diện, đảm bảo không gây trở ngại không cần thiết đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại.

 b) Ưu tiên sử dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài làm cơ sở để xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, trừ trường hợp các tiêu chuẩn đó không phù hợp với đặc điểm về địa lý, khí hậu, kỹ thuật, công nghệ của Việt Nam hoặc ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia;

 c) Ưu tiên quy định các yêu cầu về tính năng sử dụng sản phẩm, hàng hóa; hạn chế quy định các yêu cầu mang tính mô tả hoặc thiết kế chi tiết;

 d) Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tiêu chuẩn và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, phù hợp quy định pháp luật vể đo lường, chất lượng, góp phần trực tiếp nâng cao hạ tầng chất lượng quốc gia.

 đ) Khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân nước ngoài vào quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.”.

 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

 **“Điều 7. Chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật**

 1. Chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, phổ cập tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật thông qua các chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong các trường học; hỗ trợ, thúc đẩy đào tạo, tập huấn, chứng nhận chuyên gia về tiêu chuẩn hóa.

 2. Hỗ trợ, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ phục vụ hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật.

 3. Tập trung hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, nâng cao mức độ hài hoà tiêu chuẩn quốc tế; lấy tiêu chuẩn quốc gia làm cơ sở để đánh giá chất lượng sản phẩm hàng hóa Việt Nam, nâng cao năng suất, khả năng cạnh tranh quốc gia.

 4. Khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đầu tư phát triển hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam, đào tạo kiến thức về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cho các ngành kinh tế - kỹ thuật.

 5. Ưu tiên sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của các tổ chức nghiên cứu, trường đại học, hiệp hội, hội, doanh nghiệp để xây dựng thành tiêu chuẩn quốc gia.

 6. Phát triển hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, chương trình, đề án trọng điểm quốc gia.

 7. Phát triển nền tảng số quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm kết nối và chia sẻ giữa các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và kết nối với các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực, nước ngoài.

 8. Tập trung nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước và ngoài nước cho các tổ chức nghiên cứu, trường đại học, hiệp hội, hội, doanh nghiệp triển khai nghiên cứu, đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp để xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.

 9. Tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.”.

 4. Bổ sung các khoản 3, 4, 5, 6 vào sau khoản 2 Điều 8 như sau:

 “3. Nhà nước hỗ trợ các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn khi Việt Nam tham gia vào các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc tế và khu vực; hỗ trợ thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế là công dân Việt Nam khi được cử tham gia làm thành viên chính thức.

 4. Nhà nước có cơ chế, tạo điều kiện để xây dựng thành tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm trọng điểm, ưu tiên, chủ lực, đặc thù của Việt Nam.

 5. Nhà nước đảm bảo bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước đối với các hoạt động hợp tác, nghiên cứu, đào tạo, tham gia các tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ là thành viên nhằm thúc đẩy thuận lợi hoá thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua rào cản kỹ thuật trong thương mại.

 6. Chính phủ quy định chi tiết tiết thực hiện các khoản 3, 4, 5 Điều này.”.

 5. Bổ sung các Điều 8a, 8b, 8c, 8d vào sau Điều 8 như sau:

 “**Điều 8a. Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia**

 1. Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia là cơ sở để định hướng hoạt động tiêu chuẩn hóa, phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy hội nhập quốc tế, đảm bảo phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

 2. Nội dung của Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia bao gồm:

 a) Quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu;

 b) Các nhiệm vụ;

 c) Các giải pháp thực hiện;

 d) Chương trình, đề án, dự án trọng điểm;

 đ) Kế hoạch, nguồn lực thực hiện.

 3. Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia có các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

 a) Đưa hoạt động tiêu chuẩn hóa trở thành động lực quan trọng, có vai trò dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia;

 b) Định hướng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) phục vụ việc thực hiện các mục tiêu ưu tiên trong phát triển kinh tế xã hội, ngành, lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu của thị trường;

 c) Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về tiêu chuẩn hóa;

 d) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia vào công tác tiêu chuẩn hóa;

 e) Các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

 4. Nguồn tài chính thực hiện Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia bao gồm:

 a) Kinh phí từ các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước;

 b) Đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

 5. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, trình Chính phủ phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia.

 **Điều 8b. Hạ tầng chất lượng quốc gia**

 1. Hạ tầng chất lượng quốc gia hướng đến các mục tiêu:

 a) Thống nhất, đồng bộ các hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp từ trung ương đến địa phương.

 b) Xây dựng, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác các nguồn lực về hạ tầng chất lượng quốc gia.

 c) Hình thành và phát triển các tổ chức tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, mạng lưới chuyên gia của Việt Nam đạt trình độ khu vực và quốc tế.

 d) Ứng dụng các nền tảng công nghệ mới, các mô hình quản lý tiên tiến, hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế.

 2. Nhà nước có chính sách hỗ trợ, phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

 3. Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đồng bộ, hiện đại và gắn với nền công nghiệp ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

 4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để xây dựng chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia.

 5. Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật để phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với chất lượng sản phẩm hàng hóa; khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

 **Điều 8c. Minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại**

 1. Nguyên tắc về minh bạch hóa phù hợp với các cam kết quốc tế

 a)  Thống nhất thực thi nghĩa vụ minh bạch hóa về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp theo các cam kết TBT trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

 b) Tuân thủ các nguyên tắc về thông báo, công bố thông tin, hỏi đáp, xử lý quan ngại thương mại về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp theo các cam kết về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

 2. Vị trí, chức năng của cơ quan đầu mối về thi hành các nghĩa vụ của Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT) và các cam kết về TBT trong các hiệp định thương mại tự do đa phương, song phương

 a) Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia là đầu mối quốc gia tham gia đàm phán và thực thi các cam kết TBT trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

 b) Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia có vai trò chủ trì, điều phối và kiểm soát chung các hoạt động liên quan đến TBT và phân tích đánh giá tác động của các cam kết TBT trong các hiệp định thương mại tự do đối với sản phẩm hàng hóa xuất, nhập khẩu của Việt Nam.

 3. Chính sách đối với hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại phù hợp với các cam kết quốc tế

 a) Phát triển hạ tầng Thông báo và Hỏi đáp quốc gia về hàng rào kỹ thuật trong thương mại theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng hội nhập quốc tế và nhu cầu thông tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, phù hợp với các điểm Thông báo và Hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của bộ ngành và địa phương;

 b) Hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc xây dựng cơ sở dữ liệu về TBT, có chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tiếp cận các thị trường trọng điểm, tập trung hỗ trợ doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên; xây dựng và triển khai hiệu quả chương trình hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu; tăng cường hoạt động loại bỏ hàng rào kỹ thuật trong thương mại gắn với hoạt động doanh nghiệp xuất khẩu.

 c) Triển khai công tác tuyên truyền trong và ngoài nước về thực thi Hiệp định thương mại tự do đa phương, song phương.

 d) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia hoạt động loại bỏ hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

 **Điều 8d. Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật**

 1. Nhà nước đầu tư xây dựng và đảm bảo điều kiện vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

 2. Cơ quan tiêu chuẩn hoá quốc gia phối hợp với các bộ, ngành, tổ chức liên quan để tổng hợp, cập nhật cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn cơ sở và các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và các tài liệu kỹ thuật khác vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hỗ trợ phát hành miễn phí tiêu chuẩn quốc gia cho các nhóm đối tượng phù hợp có nhu cầu tiếp cận thông tin.”.

 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 12 như sau:

 “5. Tiêu chuẩn ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản quy định phương thức, nội dung về ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá và yêu cầu về định danh đơn nhất, mã hóa dữ liệu dạng ngôn ngữ máy có thể đọc, nhận dạng và thu thập dữ liệu liên quan đến các đối tượng quản lý trong chuỗi giá trị cung ứng.”.

 7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15 như sau:

 a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

 “2. Chủ trì biên soạn hoặc tham gia biên soạn dự thảo tiêu chuẩn quốc gia để đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định, công bố.

 Tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí của mình nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, hỗ trợ nghiên cứu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật được hưởng ưu đãi về thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của [Luật khoa học và công nghệ](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-khoa-hoc-va-cong-nghe-nam-2013-197387.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) và các quy định pháp luật khác có liên quan.”;

 b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

 “2a. Đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng thành tiêu chuẩn quốc gia đối với tiêu chuẩn cơ sở tổ chức đã công bố.”;

 c) Bổ sung khoản 4 và khoản 5 vào sau khoản 3 như sau:

 “4. Hưởng các quyền nhân thân và quyền tài sản đối với các tiêu chuẩn quốc gia do mình chủ trì biên soạn hoặc các tiêu chuẩn quốc gia được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn cơ sở của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về khoa học và công nghệ.

 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 16 như sau:

 “1. Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia là tổ chức tư vấn kỹ thuật do Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập cho từng lĩnh vực tiêu chuẩn.

 Trong trường hợp cần thiết, Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập tiểu ban kỹ thuật, nhóm công tác thuộc ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia để triển khai hoạt động trong chuyên ngành hẹp thuộc lĩnh vực của ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia.

 2. Thành viên ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia bao gồm đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ, hội, hiệp hội, doanh nghiệp, các tổ chức khác có liên quan, người tiêu dùng và các chuyên gia trong nước và nước ngoài.”;

 8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 17 như sau:

 a) Sửa đổi điểm d khoản 1 như sau:

 “d) Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia theo quy định tại Điều 18 của Luật này. Thời hạn thẩm định không quá ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;”;

 a) Bổ sung điểm đ1 vào sau điểm đ khoản 1 như sau:

 “đ1. Bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì xây dựng tiêu chuẩn quốc gia có trách nhiệm tiếp thu, xử lý ý kiến và hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và hồ sơ liên quan trên cơ sở ý kiến thẩm định, gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày có thông báo thẩm định.

 Trường hợp quá thời hạn nêu trên, dự thảo tiêu chuẩn quốc gia phải được tổ chức thẩm định lại.”;

 b) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

 “3a. Trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn, Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định việc xây dựng, thẩm định, ban hành tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn trên cơ sở đề nghị của cơ quan, tổ chức xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.”.

 c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

 “4. Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, xây dựng, ban hành tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn.

 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 20 như sau:

 a) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

 “3a. Tổ chức, cá nhân công bố tiêu chuẩn cơ sở có trách nhiệm thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.”;

 b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

 “4. Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục xây dựng, công bố, thông báo tiêu chuẩn cơ sở.”.

 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

 “**Điều 21.** Xuất bản và phát hành tiêu chuẩn

 1. Xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia

 a) Bộ Khoa học và Công nghệ giữ quyền xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia.

 Cơ quan tiêu chuẩn hoá quốc gia thực hiện việc xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký quyết định công bố.

 b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia do mình tổ chức xây dựng dự thảo sau khi có sự thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ.

 c) Tiêu chuẩn quốc gia có nguồn kinh phí xây dựng từ ngân sách nhà nước dành cho khoa học công nghệ, tiêu chuẩn quốc gia được viện dẫn trong các quy chuẩn kỹ thuật được công khai rộng rãi, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định về bản quyền tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài của các tổ chức ban hành tiêu chuẩn làm căn cứ xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia này.

 2. Xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài

 a) Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia thực hiện việc xuất bản, phát hành tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực theo quy định của tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực về tiêu chuẩn mà Việt Nam tham gia là thành viên.

 b) Việc xuất bản và phát hành tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực mà Việt Nam không là thành viên và tiêu chuẩn nước ngoài được thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức ban hành tiêu chuẩn đó.

 3. Tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở giữ quyền xuất bản và phát hành tiêu chuẩn cơ sở.

 4. Việc xuất bản, phát hành tiêu chuẩn phải phù hợp với các quy định pháp luật về xuất bản, các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật khác có liên quan.”.

 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22 như sau:

 “2. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia;”.

 12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29 như sau:

 “2. Kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan có liên quan tổ chức xây dựng, thông báo công khai để lấy ý kiến rộng rãi trước khi phê duyệt.

 Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật phê duyệt kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống và thông báo công khai kế hoạch đó trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày phê duyệt.”.

 13. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 32 như sau:

 a) Sửa đổi điểm d khoản 1 như sau:

 “d) Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định tại Điều 33 của Luật này. Thời hạn thẩm định không quá ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;”;

 b) Bổ sung điểm e và điểm g vào sau điểm đ khoản 1 như sau:

 “e) Trường hợp quá 120 ngày kể từ ngày có ý kiến nhất trí của cơ quan thẩm định mà quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chưa được ban hành, dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải được tổ chức thẩm định lại.

 g) Đối với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này. Việc tổ chức lấy ý kiến rộng rãi, công khai, tổ chức hội nghị chuyên đề với sự tham gia của các bên có liên quan để góp ý về dự thảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được xem xét lược bỏ theo quyết định của cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.”;

 c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

 “c) Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nghiên cứu tiếp thu ý kiến của tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, lập hồ sơ dự thảo và gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Luật này để lấy ý kiến.

 Trường hợp QCĐP có nội dung phức tạp, liên quan nhiều lĩnh vực, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Luật này thành lập Hội đồng xem xét, đánh giá hồ sơ QCĐP;”;

 d) Bổ sung khoản 2a và khoản 2b vào sau khoản 2 như sau:

 “2a. Trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định việc xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự, thủ tục rút gọn.

 2b. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo phù hợp với trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.”.

 đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

 “3. Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự, thủ tục rút gọn.”.

 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 33 như sau:

 “1. Sự phù hợp của quy chuẩn kỹ thuật với quy định của pháp luật, cam kết quốc tế về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hạ tầng chất lượng quốc gia.”.

 15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 1 Điều 36 như sau:

 a) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

 “d) Xuất bản, phát hành quy chuẩsn kỹ thuật phù hợp với các quy định pháp luật về xuất bản, các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật khác có liên quan.”;

 b) Bổ sung điểm e vào sau điểm đ như sau:

 “e) Đối với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật thực hiện thông báo, phổ biến, đăng ký, xuất bản, phát hành quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và gửi văn bản quy chuẩn kỹ thuật đến Bộ Khoa học và Công nghệ;”.

 16. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 40 như sau:

 “5. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của nhau khi các kết quả đánh giá sự phù hợp được thực hiện bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định hoặc công nhận.”.

 17. Bổ sung các Điều 43a, 43b thuộc Mục 2 vào sau Điều 43 như sau:

 “**Điều 43a.** Thử nghiệm

 1. Thử nghiệm phục vụ hoạt động của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh được thực hiện theo thoả thuận với tổ chức thử nghiệm;

 2. Thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước được thực hiện tại tổ chức thử nghiệm được chỉ định.

 **Điều 43b.** Giám định

 1. Giám định phục vụ mục đích thương mại do tổ chức giám định thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân có nhu cầu giám định;

 2. Việc giám định phục vụ quản lý nhà nước do tổ chức giám định được chỉ định hoặc được công nhận và đã đăng ký thực hiện.”.

 18. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 48 như sau:

 “1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm công bố sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận sự phù hợp được chỉ định theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật này thực hiện hoặc kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân trên cơ sở kết quả thử nghiệm.

 Thử nghiệm phục vụ chứng nhận hợp quy hoặc tự đánh giá của tổ chức, cá nhân do tổ chức thử nghiệm được công nhận và đã đăng ký thực hiện hoặc do tổ chức thử nghiệm được chỉ định thực hiện.”.

 19. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 49 như sau:

 “a) Lựa chọn tổ chức chứng nhận sự phù hợp, tổ chức thử nghiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Luật này;”.

 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:

 **“Điều 50.** Các tổ chức đánh giá sự phù hợp

 1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp trong nước, bao gồm:

 a) Tổ chức khoa học và công nghệ;

 b) Doanh nghiệp.

 2. Tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài tại Việt Nam”.

 21. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

 **“Điều 51.** Điều kiện hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp

 Tổ chức đánh giá sự phù hợp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

 1. Có bộ máy tổ chức và năng lực đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp;

 2. Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế;

 3. Đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

 4. Đáp ứng các điều kiện khác đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định pháp luật liên quan.

 5. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện và đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp quy định tại Điều này.”.

 22. Bổ sung các Điều 51a, 51b vào sau Điều 51 như sau:

 **“Điều 51a.** Quyền của tổ chức đánh giá sự phù hợp

 1. Tiến hành các hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở hợp đồng ký kết với tổ chức, cá nhân đề nghị đánh giá sự phù hợp trong lĩnh vực đã đăng ký hoạt động hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định.

 2. Được thanh toán chi phí theo thoả thuận với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa có nhu cầu đánh giá sự phù hợp hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

 3. Cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho đối tượng được đánh giá sự phù hợp tương ứng.

 4. Cấp, cấp lại, mở rộng, thu hẹp phạm vi hoặc tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận sự phù hợp, quyền sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy đã cấp cho các đối tượng được đánh giá sự phù hợp tương ứng.

 5. Từ chối cung cấp thông tin liên quan đến kết quả đánh giá sự phù hợp cho bên thứ ba, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

 6. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật.

 7. Thu chi phí từ hoạt động đánh giá sự phù hợp và thu chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật hiện hành.

 **Điều 51b.** Nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp

 1. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 51 của Luật này.

 2. Không được từ chối cung cấp dịch vụ khi không có lý do chính đáng.

 3. Bảo mật các thông tin, số liệu, kết quả quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức được đánh giá sự phù hợp, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

 4. Bảo đảm công khai, minh bạch, độc lập, khách quan, chính xác và không phân biệt đối xử về xuất xứ hàng hóa và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

 5. Bảo đảm trình tự, thủ tục đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

 6. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc cấp, cấp lại, mở rộng, thu hẹp phạm vi hoặc tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận sự phù hợp và quyền sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy.

 7. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động đánh giá sự phù hợp.

 8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá sự phù hợp.

 9. Trả tiền phạt cho tổ chức, cá nhân có sản phẩm, hàng hóa được đánh giá trong trường hợp cung cấp sai kết quả đánh giá sự phù hợp. Mức phạt do các bên thỏa thuận, nhưng không vượt quá 10 lần chi phí đánh giá, trường hợp các bên không thoả thuận được thì mức phạt do trọng tài hoặc toà án quyết định, nhưng không vượt quá 10 lần chi phí đánh giá.

 10. Bồi thường thiệt hại của tổ chức đánh giá sự phù hợp khi cung cấp kết quả sai như sau:

 a) Tổ chức đánh giá sự phù hợp cung cấp kết quả sai thì phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho tổ chức, cá nhân yêu cầu đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về dân sự.

 b) Tổ chức, cá nhân có sản phẩm, hàng hóa được đánh giá sự phù hợp có nghĩa vụ chứng minh kết quả sai và lỗi của tổ chức đánh giá sự phù hợp quy định tại điểm a) khoản 10 Điều này.

 c) Các bên liên quan có quyền trưng cầu thực hiện công tác đánh giá sự phù hợp tại Tổ chức khác có đầy đủ năng lực phù hợp trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất hoặc theo phán quyết bởi trọng tài hoặc toà án quyết định.”.

 23. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 như sau:

 **“Điều 53.** Hoạt động công nhận

 1. Hoạt động công nhận được tiến hành đối với các tổ chức sau đây:

 a) Tổ chức thử nghiệm;

 b) Tổ chức hiệu chuẩn;

 c) Tổ chức chứng nhận (hệ thống quản lý, năng lực cá nhân, sản phẩm, quá trình và dịch vụ);

 d) Tổ chức giám định;

 đ) Tổ chức sản xuất mẫu chuẩn;

 e) Tổ chức cung cấp thử nghiệm thành thạo;

 f) Phòng xét nghiệm y tế;

 g) Tổ chức có hoạt động xác nhận giá trị sử dụng;

 h) Tổ chức có hoạt động kiểm tra xác nhận;

 i) Các tổ chức đánh giá sự phù hợp khác có liên quan.”.

 24. Sửa đổi Điều 54 như sau:

 “**Điều 54.** Tổ chức công nhận

 1. Tổ chức công nhận là tổ chức khoa học và công nghệ, đã đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, thực hiện đánh giá, công nhận năng lực của các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật này.

 2. Tổ chức công nhận phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

 a) Có cơ cấu tổ chức, hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với tổ chức công nhận;

 b) Đáp ứng yêu cầu và điều kiện đối với thành viên chính thức của một trong các tổ chức công nhận khu vực hoặc quốc tế quy định về hoạt động công nhận;

 c) Hoạt động độc lập, khách quan. Người thành lập, quản lý, điều hành tổ chức công nhận không được tham gia vào các hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp như góp vốn, thành lập, quản lý, tham gia quản lý, điều hành hoặc làm đại diện theo pháp luật của tổ chức đánh giá sự phù hợp;

 d) Đăng ký hoạt động công nhận tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

 3. Tổ chức công nhận quốc gia:

 a) Đại diện chính thức của Việt Nam tham gia các thoả thuận thừa nhận lẫn nhau, diễn đàn công nhận quốc tế và khu vực;

 b) Là tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật này, đã tham gia ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp của các tổ chức công nhận khu vực hoặc quốc tế đối với các chương trình công nhận tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật này.

 c) Tổ chức công nhận quốc gia: có Hội đồng công nhận quốc gia và ban kỹ thuật chuyên ngành, trong đó Ban kỹ thuật chuyên ngành do tổ chức công nhận quốc gia thành lập để thực hiện chức năng tư vấn các vấn đề về kỹ thuật trong từng lĩnh vực chuyên ngành cụ thể liên quan đến hoạt động công nhận.

 d) Có trách nhiệm tham gia, phối hợp, thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đánh giá sự phù hợp.

 4. Hội đồng công nhận quốc gia

 Hội đồng công nhận quốc gia có nhiệm vụ sau đây:

 a) Nghiên cứu, tư vấn các cơ chế, chính sách về quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát và phát triển hoạt động công nhận phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, hạ tầng chất lượng quốc gia và hội nhập quốc tế.

 b) Tham mưu, tư vấn hoạt động của tổ chức công nhận quốc gia phù hợp với phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế.

 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này về:

 a) Điều kiện và đăng ký hoạt động của tổ chức công nhận;

 b) Tổ chức công nhận quốc gia và hoạt động của Hội đồng công nhận quốc gia;

 c) Định hướng, mục tiêu và giải pháp phát triển của tổ chức công nhận quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

 6. Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất thực hiện quản lý nhà nước, kiểm tra, thanh tra hoạt động công nhận; quản lý hoạt động của tổ chức công nhận, tổ chức công nhận quốc gia và Hội đồng công nhận quốc gia.”.

 25. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 55 như sau:

 “2. Tổ chức công nhận có các nghĩa vụ sau đây:

 a) Thực hiện việc công nhận trên cơ sở đề nghị công nhận của tổ chức, cá nhân;

 b) Bảo đảm công khai, minh bạch, độc lập, khách quan, chính xác trong hoạt động công nhận; không được thực hiện hoạt động tư vấn cho tổ chức đề nghị công nhận quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật này;

 c) Bảo mật các thông tin thu thập được trong quá trình tiến hành hoạt động công nhận; trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;

 d) Giám sát tổ chức được công nhận nhằm bảo đảm duy trì năng lực của tổ chức được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng;

 đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động và kết quả công nhận của mình.

 e) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc cấp, cấp lại, mở rộng, thu hẹp phạm vi công nhận hoặc tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ công nhận.

 g) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động công nhận.”

 26. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 57 như sau:

 “2. Bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau quy định tại khoản 1 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.”.

 27. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 59 như sau:

 a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

 “a) Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược quốc gia về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật; tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;”.

 b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ như sau:

 “đ) Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành văn bản quản lý, hướng dẫn hoạt động đánh giá sự phù hợp, cơ quan tiêu chuẩn hoá quốc gia, tổ chức công nhận quốc gia;”;

 c) Sửa đổi, bổ sung điểm i như sau:

 “i) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn thực hiện pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, thực hiện thống kê về lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật;”.

 d) Bổ sung điểm l vào sau điểm k như sau:

 “l. Phối hợp với Bộ Tài chính bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để đảm bảo phục vụ hoạt động kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.”.

 e) Bổ sung điểm m vào sau điểm l như sau:

 “m. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính và các bộ ngành liên quan tìm kiếm, chuyển giao, khai thác tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài để phục vụ quốc phòng, an ninh.”.

 28. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 60 như sau:

 a) Bổ sung điểm l vào sau điểm k khoản 1 Điều 60 như sau:

 “l. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện hoạt động thông báo, hỏi đáp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.”;

 b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

 “1a. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc thực hiện quản lý nhà nước về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đối với hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.”.

 **Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật**

 1. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại các điều, khoản, điểm sau đây:

 a) Thay thế từ “chứng nhận” bằng từ “đánh giá” tại tên Mục 4 Chương IV.

 b) Bổ sung cụm từ “trước khi đưa sản phẩm, hàng hóa ra lưu thông, cung cấp dịch vụ, quá trình, môi trường trên thị trường” vào sau cụm từ “cơ quan nhà nước có thẩm quyền” tại khoản 2 Điều 45 và khoản 2 Điều 48.

 c) Bỏ cụm từ “trong trường hợp cấp thiết liên quan đến sức khoẻ, an toàn, môi trường thì thời gian lấy ý kiến có thể ngắn hơn” tại điểm b khoản 1 Điều 17.

 d) Bỏ cụm từ “trong trường hợp cấp thiết liên quan đến sức khoẻ, an toàn, môi trường thì thời gian lấy ý kiến có thể ngắn hơn theo quyết định của cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia”.

 2. Bãi bỏ các điều, khoản, điểm sau: điểm b khoản 3 Điều 11; điểm c khoản 1 Điều 27; Điều 52; Điều 69.

 **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

 Luật này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...

 *Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ...., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...*

 **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**